

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.
2. Ông Lương Tuất Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C - Sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T - Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 và bản tự khai ngày 09/4/2018 cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Văn C trình bày:

Ông và bà Trần Thị T kết hôn năm 1981 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Do thời gian đã lâu nên ông, bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông hay đi làm xa nhà, bà T nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác, ông C đã nhiều lần giải thích nhưng bà T không nghe. Từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bà T xúc phạm ông nên đầu năm 2014 ông và bà T đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị T.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2018 và bản tự khai ngày 27/4/2018 của bà Trần Thị T, bà xác nhận việc bà và ông C đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng và việc mất giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng như ông C trình bày là đúng. Nguyên nhân là do bà nghi ngờ ông C có quan hệ với

người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên bảo để ông C thay đổi nhưng không được. Bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2014 và không khắc phục được mâu thuẫn. Tuy nhiên bà không nhất trí ly hôn với ông C vì mong muốn đoàn tụ gia đình. Nếu ông C kiên quyết xin ly hôn thì bà cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông C và bà T xác nhận, ông bà có 03 con chung là Phạm Văn Học - Sinh ngày: 31/5/1984, Phạm Thị Huyền - Sinh năm: 1986 (Không xác định ngày, tháng sinh) và Phạm Văn Điệp - Sinh ngày: 29/8/1991, hiện tại cả ba con chung của ông bà đều phát triển bình thường và đều trên 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông C và bà T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn; Ông, bà cũng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai các tài liệu chứng cứ và hòa giải, các đương sự đều có mặt nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn C khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị T đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật, bà T trú tại xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Trần Thị T đều xác nhận có đăng ký kết hôn năm 1981 theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vì thời gian đã lâu nên ông, bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng cũng xác nhận không còn lưu giữ sổ sách liên quan đến việc kết hôn của ông C và bà T. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ vợ chồng của ông, bà được xác lập trước 03/01/1987, đây là quan hệ hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là hợp pháp. Ông C và bà T đã có con chung đầu tiên sinh năm 1984, như vậy có đủ căn cứ để giải quyết việc ly hôn của ông bà theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông C phát sinh mâu thuẫn do bà T nghi ngờ ông không chung thủy, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, ông C và bà T đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không quan tâm đến nhau. Ông, bà cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Mâu thuẫn của vợ chồng ông C đã được địa phương xác nhận là đúng. Tại phiên toà hôm nay, ông C giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà T. Mặc dù tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn không khắc phục được, do các con chung đều đã lớn và ông, bà đã nhiều tuổi nên bà không đồng ý ly hôn, tuy nhiên nêu ông C

kiên quyết xin ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc ông Phạm Văn C xin ly hôn với bà Trần Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà T vẫn vắng mặt. Vì vậy cần xem xét giải quyết vắng mặt bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Ông C và bà T đều xác nhận, ông bà có 03 con chung là Phạm Văn Học - Sinh ngày: 31/5/1984, Phạm Thị Huyền - Sinh năm: 1986 (không xác định ngày, tháng sinh) và Phạm Văn Điệp - Sinh ngày: 29/8/1991, hiện tại cả ba con chung của ông bà đều phát triển bình thường và đều trên 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông C và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung khi ly hôn, ông bà cũng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Trần Thị T.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007509 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Ông Phạm Văn C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã Phú Nhuận;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã Phú Nhuận;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

